

Số: 535/QĐ-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận các danh hiệu thi đua năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 124/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Hội đồng Chính phủ về việc mở thêm một trường Đại học Nông nghiệp và Quyết định 213/CP ngày 05 tháng 8 năm 1983 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc chuyển địa điểm Trường Đại học Nông nghiệp II ở Hà Bắc vào thành phố Huế;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HDDH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HDDH ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ kết quả của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế tại phiên họp ngày 29 tháng 7 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính và Cơ sở vật chất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 39 tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, 358 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 46 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2020 - 2021 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu thi đua, mỗi tập thể và cá nhân được thưởng các mức thưởng theo quy định hiện hành; kinh phí trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của Trường.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các tập thể và cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TCCB ĐHH;
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, TC, HC&CSVC.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NÔNG LÂM

Trần Thanh Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TẬP THỂ
ĐẠT DANH HIỆU “TẬP THỂ LAO ĐỘNG TIÊN TIẾN” NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 535/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Stt	Đơn vị	Đơn vị cấp trên
1.	Trường Đại học Nông Lâm	Đại học Huế
2.	Phòng KH-TC	Trường Đại học Nông Lâm
3.	Phòng TC, HC&CSVC	Trường Đại học Nông Lâm
4.	Phòng ĐT&CTSV	Trường Đại học Nông Lâm
5.	Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC	Trường Đại học Nông Lâm
6.	Phòng KH, HTQT&TTTTV	Trường Đại học Nông Lâm
7.	Viện NCPT	Trường Đại học Nông Lâm
8.	Khoa Nông học	Trường Đại học Nông Lâm
9.	Bộ môn Bảo vệ thực vật	Khoa Nông học
10.	Bộ môn Nông nghiệp công nghệ cao	Khoa Nông học
11.	Bộ môn Khoa học cây trồng	Khoa Nông học
12.	Trung tâm NC&DVNN	Khoa Nông học
13.	Khoa TNĐ&MTNN	Trường ĐHNL
14.	Bộ môn Bất động sản	Khoa TNĐ&MTNN
15.	Bộ môn Quản lý đất đai	Khoa TNĐ&MTNN
16.	Bộ môn Trắc địa - Bản đồ	Khoa TNĐ&MTNN
17.	Khoa Chăn nuôi Thú y	Trường Đại học Nông Lâm
18.	Bộ môn Chăn nuôi	Khoa CNTY
19.	Bộ môn Thú y	Khoa CNTY
20.	Trung tâm TH và ĐTN	Khoa CNTY
21.	Khoa Phát triển nông thôn	Trường Đại học Nông Lâm
22.	Bộ môn Phát triển nông thôn	Khoa PTNT
23.	Bộ môn Kinh tế	Khoa PTNT
24.	Bộ môn Khuyến nông và Tư vấn phát triển	Khoa PTNT
25.	Khoa Cơ khí và Công nghệ	Trường Đại học Nông Lâm
26.	Bộ môn Công nghệ thực phẩm	Khoa CK&CN
27.	Bộ môn Công nghệ sau thu hoạch	Khoa CK&CN
28.	Bộ môn Quản lý chất lượng thực phẩm	Khoa CK&CN
29.	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	Khoa CK&CN
30.	Bộ môn Kỹ thuật công trình	Khoa CK&CN
31.	Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Khoa CK&CN



32.	Bộ môn Cơ sở và QLTS	Khoa Thủy sản
33.	Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Khoa Thủy sản
34.	Trung tâm NCUD&CGCNTS	Khoa Thủy sản
35.	Bộ môn Quản lý TNR&MT	Khoa Lâm nghiệp
36.	Bộ môn Lâm sinh	Khoa Lâm nghiệp
37.	Bộ môn Chế biến và Thương mại lâm sản	Khoa Lâm nghiệp
38.	Trung tâm Thực hành và NCLN	Khoa Lâm nghiệp
39.	Trung tâm PTNTMT	Trường Đại học Nông Lâm

Danh sách có 39 tập thể./.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN
ĐẠT DANH HIỆU “LAO ĐỘNG TIÊN TIẾN” NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 535/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Stt	TT	Họ và tên	Ghi chú
I	I	Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên	
1.	1.	Nguyễn Văn Đức	
2.	2.	Nguyễn Tiến Long	
3.	3.	Trần Văn Tý	
4.	4.	Nguyễn Thị Thùy An	
5.	5.	Nguyễn Xuân Cảnh	
6.	6.	Phạm Trần Kim Chi	
7.	7.	Nguyễn Viết Chiến	
8.	8.	Nguyễn Phi Dũng	
9.	9.	Nguyễn Thị Hiền	
10.	10.	Thái Doãn Hùng	
11.	11.	Đàm Thị Liên	
12.	12.	Dương Viết Tân	
13.	13.	Nguyễn Thị Thanh	
14.	14.	Nguyễn Thị Thu	
15.	15.	Hoàng Hải Vân	
16.	16.	Đặng Văn Vinh	
17.	17.	Nguyễn Thị Xuân	
18.	18.	Nguyễn Thị Hồng	
19.	19.	Đoàn Thị Phương Thảo	
II	II	Phòng KH,HTQT&TTTT	
20.	1.	Phạm Hữu Ty	
21.	2.	Võ Văn Quốc Bảo	
22.	3.	Nguyễn Thúc Phúc	
23.	4.	Lê Thị Thúy Hằng	
24.	5.	Trần Thị Quỳnh Tiến	
25.	6.	Trần Thị Phương Nhi	
26.	7.	Nguyễn Duy Ngọc Tân	
27.	8.	Đặng Ngọc Thi Giang	
28.	9.	Tạ Phước Ánh	
29.	10.	Bùi Thị Minh Trang	
30.	11.	Ngô Thị Trung	

31.	12.	Hoàng Bảo Nga	
32.	13.	Lê Thị Lệ Huyền	
33.	14.	Nguyễn Thị Như	
34.	15.	Lê Xuân Ánh	
35.	16.	Nguyễn Thị Xuân Phương	
III	III	Phòng TC,HC&CSVC	
36.	1.	Dương Văn Thành	
37.	2.	Nguyễn Đăng Nhật	
38.	3.	Đinh Thị Song Thủy	
39.	4.	Hồ Trung Thông	
40.	5.	Hồ Tấn Đức	
41.	6.	Phan Thị Hằng	
42.	7.	Nguyễn Thanh Nhân	
43.	8.	Nguyễn Minh Tuấn	
44.	9.	Nguyễn Văn Tiến	
45.	10.	Nguyễn Trọng Phúc	
46.	11.	Thượng Thị Thanh Lễ	
47.	12.	Lê Dũng	
48.	13.	Phạm Thị Thanh Phúc	
49.	14.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	
50.	15.	Nguyễn Thị Thuyên	
51.	16.	Nguyễn Khoa Kiên	
52.	17.	Nguyễn Khoa Hiếu	
53.	18.	Nguyễn Đức Quân	
54.	19.	Nguyễn Mươi	
55.	20.	Nguyễn Thị Minh	
56.	21.	Trần Thị Huyền	
57.	22.	Nguyễn Tuấn Anh	
58.	23.	Hoàng Thị Hương	
59.	24.	Nguyễn Thị Hương	
60.	25.	Trần Thị Lài	
61.	26.	Lê Thị Minh Triết	
62.	27.	Hoàng Thị Kim Yên	
63.	28.	Nguyễn Thị Mai	
64.	29.	Hoàng Nguyễn Thùy Trang	
IV	IV	Phòng KH-TC	
65.	1.	Hoàng Thị Ngọc Vân	
66.	2.	Trần Thị Huyền Trang	
67.	3.	Lê Thị Mai Hương	

68.	4.	Lê Đức Tuấn	
69.	5.	Lê Thị Liên	
70.	6.	Lương Thị Phương	
71.	7.	Nguyễn Thị Minh Thu	
72.	8.	Lê Ngọc Thu Phượng	
73.	9.	Trần Văn Quý	
V	V	Phòng KT,BĐCLGD,TT&PC	
74.	1.	Khuông Anh Sơn	
75.	2.	Lê Trọng Thực	
76.	3.	Châu Võ Trung Thông	
77.	4.	Trần Phương Đông	
78.	5.	Võ Thị Thúy Hương	
79.	6.	Nguyễn Thị Hương Giang	
VI	VI	Viện NCPT	
80.	1.	Ngô Mậu Dũng	
81.	2.	Trần Văn Hồ	
82.	3.	Huỳnh Kim Hiếu	
83.	4.	Nguyễn Anh Tuấn	
84.	5.	Hồ Đăng Hiệp	
85.	6.	Phạm Thị Hồng Thủy	
VII	VII	Trung tâm PTNTMT	
86.	1.	Trương Quang Hoàng	
87.	2.	Võ Chí Tiến	
88.	3.	Đặng Thị Lan Anh	
89.	4.	Hồ Thị Nhân	
90.	5.	Nguyễn Thị Lan Hương	
91.	6.	Lê Thị Minh Hải	
92.	7.	Đinh Nhật Sơn	
93.	8.	Hoàng Thùy Dung	
94.	9.	Nguyễn Văn Nam	
95.	10.	Phan Văn Hùng	
96.	11.	Trần Hữu Tâm	
97.	12.	Phạm Đình Hiên	
VIII	VIII	Khoa Nông học	
98.	1.	Hoàng Thị Thái Hòa	
99.	2.	Phan Thị Phương Nhi	
100.	3.	Nguyễn Đình Thi	
101.	4.	Đặng Văn Sơn	
102.	5.	Đinh Hồ Anh	

103.	6.	Đỗ Đình Thục	
104.	7.	Dương Thanh Thủy	
105.	8.	Hồ Công Hưng	
106.	9.	Hoàng Hải Lý	
107.	10.	Lã Thị Thu Hằng	
108.	11.	Lê Khắc Phúc	
109.	12.	Lê Thị Thu Hường	
110.	13.	Nguyễn Quang Cơ	
111.	14.	Nguyễn Thanh Vinh	
112.	15.	Nguyễn Thị Dung	
113.	16.	Nguyễn Thị Giang	
114.	17.	Nguyễn Thị Hoài	
115.	18.	Nguyễn Thị Hồng	
116.	19.	Nguyễn Thị Thu Thủy	
117.	20.	Nguyễn Trung Hải	
118.	21.	Nguyễn Văn Quy	
119.	22.	Nguyễn Vĩnh Trường	
120.	23.	Phùng Lan Ngọc	
121.	24.	Thái Thị Huyền	
122.	25.	Trần Thị Ánh Tuyết	
123.	26.	Trần Thị Hoàng Đông	
124.	27.	Trần Thị Phương Nhung	
125.	28.	Trần Thị Thu Giang	
126.	29.	Trần Thị Thu Hà	
127.	30.	Trần Thị Triều Hà	
128.	31.	Trần Thị Xuân Phương	
129.	32.	Trần Văn Bình	
130.	33.	Trịnh Thị Sen	
131.	34.	Trương Thị Diệu Hạnh	
132.	35.	Vi Thị Linh	
133.	36.	Vũ Tuấn Minh	
134.	37.	Hoàng Trọng Nghĩa	
135.	38.	Lê Thị Hương Xuân	
136.	39.	Trần Đăng Khoa	
137.	40.	Trần Thị Hương Sen	
138.	41.	Trần Thị Lệ	
IX	IX	Khoa CNTY	
139.	1.	Nguyễn Hữu Văn	
140.	2.	Trần Quang Vui	

141.	3.	Đình Văn Dũng	
142.	4.	Lê Văn An	
143.	5.	Phùng Thăng Long	
144.	6.	Nguyễn Minh Hoàn	
145.	7.	Võ Thị Minh Tâm	
146.	8.	Hồ Lê Quỳnh Châu	
147.	9.	Văn Ngọc Phong	
148.	10.	Nguyễn Xuân Bá	
149.	11.	Thân Thị Thanh Trà	
150.	12.	Lê Đức Ngoan	
151.	13.	Nguyễn Hải Quân	
152.	14.	Dương Thanh Hải	
153.	15.	Trần Thị Thu Hồng	
154.	16.	Trần Sáng Tạo	
155.	17.	Nguyễn Thanh Thủy	
156.	18.	Trần Thị Na	
157.	19.	Dương Thị Hương	
158.	20.	Vũ Thị Minh Phương	
159.	21.	Phan Thị Duy Thuận	
160.	22.	Hoàng Hữu Tình	
161.	23.	Đặng Thị Thu Hiền	
162.	24.	Lê Thị Thu Hằng	
163.	25.	Trần Nguyên Thảo	
164.	26.	Nguyễn Thị Mùi	
165.	27.	Lê Nữ Anh Thư	
166.	28.	Dư Thanh Hằng	
167.	29.	Nguyễn Xuân Hòa	
168.	30.	Phạm Hồng Sơn	
169.	31.	Lê Văn Phước	
170.	32.	Phan Vũ Hải	
171.	33.	Vũ Văn Hải	
172.	34.	Nguyễn Văn Chào	
173.	35.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	
174.	36.	Phan Thị Hằng	
175.	37.	Nguyễn Đình Thùy Khương	
176.	38.	Hồ Thị Dung	
177.	39.	Lê Minh Đức	
178.	40.	Lê Trần Hoàn	
179.	41.	Phạm Hoàng Sơn Hưng	

180.	42.	Bùi Thị Hiền	
181.	43.	Nguyễn Thị Thùy	
182.	44.	Lê Đức Thọ	
183.	45.	Trần Ngọc Liêm	
184.	46.	Nguyễn Thị Hoa	
185.	47.	Trần Ngọc Long	
186.	48.	Phạm Tính	
187.	49.	Lê Thị Tuyết Nhung	
X	X	Khoa Lâm nghiệp	
188.	1.	Hoàng Huy Tuấn	
189.	2.	Hồ Thanh Hà	
190.	3.	Nguyễn Văn Minh	
191.	4.	Nguyễn Văn Lợi	
192.	5.	Trần Minh Đức	
193.	6.	Nguyễn Thị Thương	
194.	7.	Lê Thái Hùng	
195.	8.	Lê Thị Cẩm Vân	
196.	9.	Trần Nam Thắng	
197.	10.	Nguyễn Hợi	
198.	11.	Hồ Đăng Nguyên	
199.	12.	Nguyễn Thị Hồng Mai	
200.	13.	Phạm Thị Phương Thảo	
201.	14.	Lê Thị Phương Thảo	
202.	15.	Đỗ Thị Thu Ái	
203.	16.	Hoàng Dương Xô Việt	
204.	17.	Lê Thị Thu Hà	
205.	18.	Nguyễn Lan Phương	
206.	19.	Phùng Xuân Linh	
207.	20.	Đặng Thái Dương	
208.	21.	Hoàng Văn Dưỡng	
209.	22.	Ngô Thị Phương Anh	
210.	23.	Trần Thị Thúy Hằng	
211.	24.	Nguyễn Duy Phong	
212.	25.	Ngô Tùng Đức	
213.	26.	Đặng Thái Hoàng	
214.	27.	Văn Thị Yến	
XI	XI	Khoa CK&CN	
215.	1.	Nguyễn Văn Toàn	
216.	2.	Nguyễn Văn Hué	

217.	3.	Phạm Việt Hùng	
218.	4.	Đào Lê Minh Tuấn	
219.	5.	Đào Văn Phú	
220.	6.	Đinh Thị Thu Thanh	
221.	7.	Đinh Vương Hùng	
222.	8.	Đỗ Minh Cường	
223.	9.	Đỗ Thanh Tiến	
224.	10.	Đỗ Thị Bích Thủy	
225.	11.	Đoàn Thị Thanh Thảo	
226.	12.	Hồ Nhật Phong	
227.	13.	Hồ Văn Dũng	
228.	14.	Hoàng Thị Như Hạnh	
229.	15.	Lê Minh Đức	
230.	16.	Lê Thanh Long	
231.	17.	Lê Thị Quỳnh Hương	
232.	18.	Lê Thu Hà	
233.	19.	Ngô Quý Tuấn	
234.	20.	Nguyễn Cao Cường	
235.	21.	Nguyễn Đức Chung	
236.	22.	Nguyễn Hiền Trang	
237.	23.	Nguyễn Hữu Thịnh	
238.	24.	Nguyễn Như Bảo Việt	
239.	25.	Nguyễn Quốc Huy	
240.	26.	Nguyễn Thanh Cường	
241.	27.	Nguyễn Thị Diễm Hương	
242.	28.	Nguyễn Thị Thanh	
243.	29.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	
244.	30.	Nguyễn Thị Vân Anh	
245.	31.	Nguyễn Thy Đan Huyền	
246.	32.	Nguyễn Văn Cần	
247.	33.	Phạm Trần Thùy Hương	
248.	34.	Phạm Xuân Phương	
249.	35.	Phan Đỗ Dạ Thảo	
250.	36.	Phan Thị Bé	
251.	37.	Phan Tôn Thanh Tâm	
252.	38.	Trần Bảo Khánh	
253.	39.	Trần Đức Hạnh	
254.	40.	Trần Thanh Quỳnh Anh	
255.	41.	Trần Võ Văn May	

256.	42.	Vệ Quốc Linh	
257.	43.	Võ Công Anh	
258.	44.	Võ Thị Thu Hằng	
259.	45.	Dương Văn Hậu	
XII	XII	Khoa PTNT	
260.	1.	Nguyễn Viết Tuấn	
261.	2.	Lê Thị Hoa Sen	
262.	3.	Hoàng Gia Hùng	
263.	4.	Trương Văn Tuyển	
264.	5.	Nguyễn Ngọc Truyền	
265.	6.	Trần Cao Úy	
266.	7.	Hoàng Dũng Hà	
267.	8.	Nguyễn Văn Chung	
268.	9.	Dương Ngọc Phước	
269.	10.	Lê Chí Hùng Cường	
270.	11.	Trần Thị Ánh Nguyệt	
271.	12.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	
272.	13.	Lê Việt Linh	
273.	14.	Nguyễn Trần Tiểu Phụng	
274.	15.	Lê Thị Hồng Phương	
275.	16.	Lê Văn Nam	
276.	17.	Nguyễn Tiến Dũng	
277.	18.	Phạm Thị Nhung	
278.	19.	Nguyễn Thị Dạ Thảo	
279.	20.	Nguyễn Thị Chung	
280.	21.	Nguyễn Trọng Dũng	
281.	22.	Nguyễn Thiện Tâm	
282.	23.	Trương Thị Hằng	
283.	24.	Định Thị Kim Oanh	
284.	25.	Cao Thị Thuyết	
285.	26.	Hồ Lê Phi Khanh	
286.	27.	Nguyễn Văn Thành	
XIII	XIII	Khoa TND&MTNN	
287.	1.	Nguyễn Hữu Ngữ	
288.	2.	Nguyễn Văn Bình	
289.	3.	Nguyễn Thị Hải	
290.	4.	Nguyễn Tiến Nhật	
291.	5.	Dương Quốc Nôn	
292.	6.	Nguyễn Đức Hồng	

293.	7.	Tôn Nữ Tuyết Trinh	
294.	8.	Phạm Thị Thảo Hiền	
295.	9.	Nguyễn Ngọc Ánh	
296.	10.	Nguyễn Văn Tiệp	
297.	11.	Lê Hữu Ngọc Thanh	
298.	12.	Trịnh Ngân Hà	
299.	13.	Nguyễn Thị Lan Hương	
300.	14.	Trần Thị Phụng	
301.	15.	Trần Thị Thùy Hương	
302.	16.	Trần Thị Kiều My	
303.	17.	Nguyễn Bích Ngọc	
304.	18.	Nguyễn Thành Nam	
305.	19.	Nguyễn Ngọc Thanh	
306.	20.	Trương Đỗ Minh Phụng	
307.	21.	Hồ Việt Hoàng	
308.	22.	Nguyễn Đình Tiến	
309.	23.	Trần Thị Diệu Hiền	
310.	24.	Võ Phan Nhật Quang	
311.	25.	Nguyễn Thị Tuyết Lan	
312.	26.	Trần Trọng Tấn	
313.	27.	Nguyễn Thùy Phương	
314.	28.	Lê Ngọc Phương Quý	
315.	29.	Hồ Nhật Linh	
316.	30.	Lê Đình Huy	
317.	31.	Nguyễn Phúc Khoa	
318.	32.	Trần Thị Ánh Tuyết	
319.	33.	Dương Thị Thu Hà	
320.	34.	Trần Thị Minh Châu	
XIV	XIV	Khoa Thủy sản	
321.	1.	Nguyễn Duy Quỳnh Trâm	
322.	2.	Mạc Như Bình	
323.	3.	Nguyễn Văn Huy	
324.	4.	Trương Văn Đan	
325.	5.	Trương Thị Hoa	
326.	6.	Hoàng Nghĩa Mạnh	
327.	7.	Nguyễn Anh Tuấn	
328.	8.	Lê Văn Dân	
329.	9.	Ngô Hữu Toàn	
330.	10.	Võ Điều	

331.	11.	Lê Thị Thu An	
332.	12.	Hà Thị Huệ	
333.	13.	Kiều Thị Huyền	
334.	14.	Trần Thị Thúy Hằng	
335.	15.	Hà Nam Thắng	
336.	16.	Lê Tiến Hữu	
337.	17.	Tôn Thất Chất	
338.	18.	Nguyễn Phi Nam	
339.	19.	Võ Đức Nghĩa	
340.	20.	Phạm Thị Phương Lan	
341.	21.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	
342.	22.	Lê Minh Tuệ	
343.	23.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	
344.	24.	Trần Thị Thu Sương	
345.	25.	Nguyễn Thị Xuân Hồng	
346.	26.	Trần Nguyên Ngọc	
347.	27.	Trần Quang Khánh Vân	
348.	28.	Nguyễn Ngọc Phước	
349.	29.	Hồ Thị Tùng	
350.	30.	Nguyễn Thị Huệ Linh	
351.	31.	Trần Nam Hà	
352.	32.	Phạm Thị Hải Yến	
353.	33.	Nguyễn Nam Quang	
354.	34.	Nguyễn Đức Quỳnh Anh	
355.	35.	Nguyễn Khoa Huy Sơn	
356.	36.	Nguyễn Đức Thành	
357.	37.	Huỳnh Văn Vi	
358.	38.	Nguyễn Tử Minh	

Danh sách có 358 cá nhân./.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN
ĐẠT DANH HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ” NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 535/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Stt	Họ và tên	Đơn vị
1.	Trần Thị Huyền Trang	Phòng KH-TC
2.	Lê Thị Liên	Phòng KH-TC
3.	Nguyễn Đăng Nhật	Phòng TC, HC&CSVC
4.	Phan Thị Hằng	Phòng TC, HC&CSVC
5.	Thượng Thị Thanh Lễ	Phòng TC, HC&CSVC
6.	Nguyễn Đức Quân	Phòng TC, HC&CSVC
7.	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐT&CTSV
8.	Nguyễn Thị Thùy An	Phòng ĐT&CTSV
9.	Phạm Trần Kim Chi	Phòng ĐT&CTSV
10.	Trần Phương Đông	Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC
11.	Trần Thị Phương Nhi	Phòng KH, HTQT&TTTT
12.	Nguyễn Thị Như	Phòng KH, HTQT&TTTT
13.	Ngô Mậu Dũng	Viện NCPT
14.	Phan Thị Phương Nhi	Khoa Nông học
15.	Nguyễn Vĩnh Trường	Khoa Nông học
16.	Dương Thanh Thủy	Khoa Nông học
17.	Nguyễn Hữu Ngữ	Khoa TNĐ&MTNN
18.	Nguyễn Thị Hải	Khoa TNĐ&MTNN
19.	Nguyễn Tiến Nhật	Khoa TNĐ&MTNN
20.	Hồ Nhật Linh	Khoa TNĐ&MTNN
21.	Phạm Hồng Sơn	Khoa CNTY
22.	Đình Văn Dũng	Khoa CNTY
23.	Nguyễn Xuân Bả	Khoa CNTY
24.	Dương Thanh Hải	Khoa CNTY
25.	Trần Sáng Tạo	Khoa CNTY
26.	Nguyễn Minh Hoàn	Khoa CNTY
27.	Lê Đức Ngoan	Khoa CNTY
28.	Hoàng Gia Hùng	Khoa PTNT
29.	Dương Ngọc Phước	Khoa PTNT
30.	Cao Thị Thuyết	Khoa PTNT
31.	Nguyễn Văn Huế	Khoa CK&CN



32.	Nguyễn Thy Đan Huyền	Khoa CK&CN
33.	Đỗ Minh Cường	Khoa CK&CN
34.	Đỗ Thanh Tiến	Khoa CK&CN
35.	Đỗ Thị Bích Thủy	Khoa CK&CN
36.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Khoa CK&CN
37.	Mạc Như Bình	Khoa Thủy sản
38.	Kiều Thị Huyền	Khoa Thủy sản
39.	Nguyễn Thị Xuân Hồng	Khoa Thủy sản
40.	Lê Minh Tuệ	Khoa Thủy sản
41.	Nguyễn Thị Huế Linh	Khoa Thủy sản
42.	Trần Nam Hà	Khoa Thủy sản
43.	Đặng Thái Dương	Khoa Lâm nghiệp
44.	Nguyễn Văn Minh	Khoa Lâm nghiệp
45.	Phạm Thị Phương Thảo	Khoa Lâm nghiệp
46.	Trương Quang Hoàng	Trung tâm PTNTMT

Danh sách có 46 cá nhân./.

